

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-7-2020

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN – TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đăng Thanh.

2. Ông Vũ Ngọc Côn.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Từ Văn T, sinh năm 1978. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1981. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2020 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Từ Văn T trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Th kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có đến Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh đăng ký kết hôn vào tháng 3/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại gia đình anh T ở khu 6, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh được một năm thì vợ chồng chuyển về sống cùng gia đình chị Th ở thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói

chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt không có hạnh phúc. Gia đình hai bên đã hòa giải cho vợ chồng nhiều lần nhưng không thành. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị Th.

- Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Từ Thị Thu Tr, sinh ngày 02/9/2011 và Từ Vân K, sinh ngày 26/02/2016. Vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu K cho anh nuôi dưỡng, giao cháu Tr cho chị Th nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh đang làm lao động tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng / 01 tháng.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị Th trình bày tại bản tự khai:

Chị và anh Từ Văn T kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh vào tháng 3/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại khu 6, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh được một năm thì chuyển về sống cùng gia đình chị ở thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về tính cách và quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay chị thấy cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc, không thể duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay nên chị cũng nhất trí ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có anh có hai con chung là Từ Thị Thu Tr, sinh ngày 02/9/2011 và Từ Vân K, sinh ngày 26/02/2016. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay chị đang làm lao động tự do (làm vườn), thu nhập từ làm vườn là 100.000.000 đồng / 01 năm, đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Từ Văn T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Th. Về con chung anh đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi dưỡng một con chung. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị Th giữ nguyên ý kiến đã trình bày, chị nhất trí ly hôn với anh T. Về con chung đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, cháu Từ Thị Thu Tr trình bày: Việc bố mẹ ly hôn cháu không có ý kiến gì. Sau khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu là sống cùng với ai cũng được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành

đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Từ Văn T: Cho anh Từ Văn T được ly hôn với chị Phạm Thị Th.

2. Về con chung: Giao cho anh Từ Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Từ Thị Thu Tr, sinh ngày 02/9/2011, giao cho chị Phạm Thị Th nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Từ Văn K, sinh ngày 26/02/2016. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Anh Từ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng: Anh Từ Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Phạm Thị Th, hiện nay chị Phạm Thị Th đang cư trú tại thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Từ Văn T và chị Phạm Thị Th tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 26/10/2010, do vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong công việc làm ăn hàng ngày. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, anh T và chị Th đều xác định không còn tình cảm và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị Th đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn với chị Th.

[2.2]. Về con chung: Anh T và chị Th có 02 con chung là Từ Thị Thu Tr, sinh ngày 02/9/2011 và Từ Văn K, sinh ngày 26/02/2016. Vợ chồng ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giao cháu K cho anh nuôi dưỡng, chị Th đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng xin nuôi con của anh T và chị Th là chính đáng. Qua xác minh tại địa phương được biết anh T và chị Th đã có chỗ ở tại thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang, công việc hiện nay của anh T và chị Th đều là lao động tự do. Các con chung đều được anh T và chị Th nuôi dưỡng phát triển đảm bảo. Vì vậy cần giao cho anh T và chị Th mỗi người nuôi một cháu là phù hợp. Cháu Từ Văn K còn nhỏ, là con gái nên vấn đề phát triển tâm sinh lý sau này cần sự chăm sóc của mẹ hơn nên cần giao cháu K cho Phạm Thị Th nuôi dưỡng, chăm sóc. Cháu Từ Thị Thu Tr trình bày bố mẹ ly hôn thì cháu sống cùng ai cũng được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần cháu Tr cho anh Từ Văn T nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như việc phát triển toàn diện của các con.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, do anh T và chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T và chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn anh Từ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227; Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Từ Văn T: Cho anh Từ Văn T được ly hôn với chị Phạm Thị Th.

2. Về con chung: Giao cho anh Từ Văn T nuôi dưỡng cháu Từ Thị Thu Tr, sinh ngày 02/9/2011, giao cho chị Phạm Thị Th nuôi dưỡng cháu Từ Văn K, sinh ngày 26/02/2016. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, anh T, chị Th được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T, chị Th thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Từ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Bích đã nộp theo biên lai thu số: AA/2019/0001376 ngày 12/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Khoản tiền này được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Đức Nường